

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày 23 tháng 06 năm 2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.

2. Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vịnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 06 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 405/2019/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 05 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST – HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa:

+ Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bị đơn: Chị Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI D V U Á N:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Thùy D sau một thời gian tìm hiểu thì về chung sống như vợ chồng từ tháng 10 năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Sau một thời gian chung sống đến năm 2018 vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do làm ăn thua lỗ, vợ chồng không tin tưởng nhau, chị D nghi ngờ anh T ngoại tình nên mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay, ai biết bổn phận người đó, xét thấy vợ chồng không còn cơ hội đoàn tụ nên anh T yêu cầu Tòa án tuyên bố anh và chị Phạm Thị Thùy D không phải là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 03 con chung gồm: Nguyễn Bùi Quốc V, sinh năm 04/02/1997; Nguyễn Bùi Quốc N, sinh ngày 18/03/2004 và Nguyễn Bùi Thúy K, sinh ngày 14/08/2006. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì các con đang chung sống với chị D, hiện nay chị D có nguyện vọng được nuôi các con Nguyễn Bùi Quốc N và Nguyễn Bùi Thúy K thì anh hoàn toàn đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu. Đối với cháu Nguyễn Bùi Quốc V, sinh năm 1997 đã đủ 18 tuổi nên việc cháu muốn sống với ai là quyền quyết định của cháu anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16 tháng 12 năm 2019 và tại phiên tòa bị đơn chị Phạm Thị Thùy D thừa nhận thời điểm chung sống, con chung, tài sản chung và công nợ chung đúng như nguyên đơn đã trình bày. Tuy nhiên theo chị D vợ chồng anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E vào năm 1994 nhưng không rõ ngày tháng nào, do giấy đăng ký kết hôn bị thất lạc nên chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để chứng minh cho việc anh chị có đăng ký kết hôn. Chị D cũng thừa nhận hiện nay mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng do anh T ngoại tình, không còn chăm lo cho gia đình. Do vợ chồng không còn cơ hội đoàn tụ nên chị đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị D hoàn toàn đồng ý với ý kiến, nguyện vọng của anh T, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận, giao cháu Nguyễn Bùi Quốc N và cháu Nguyễn Bùi Thúy K cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh T tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho mỗi cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu Nguyễn Bùi Quốc V, sinh năm 1997 đã đủ 18 tuổi nên việc cháu muốn sống với ai là quyền quyết định của cháu nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn chị Phạm Thị Thùy D chỉ đến Tòa án làm bản tự khai và sau đó không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Phản tranh luận, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, hội đồng xét xử (HĐXX) và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 15 khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, Điều 107, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuyên bố anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Thùy D không phải là vợ chồng; Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao con chung cháu Nguyễn Bùi Quốc N, sinh ngày 18/03/2004 và cháu Nguyễn Bùi Thúy K, sinh ngày 14/08/2006 cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Anh Nguyễn Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đ (Một triệu đồng một tháng); Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu Nguyễn Bùi Quốc V, sinh năm 1997 đã đủ 18 tuổi nên việc cháu muốn sống với ai là quyền quyết định của cháu nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T khởi kiện xin ly hôn chị Phạm Thị Thùy D có nơi cư trú tại Buôn K, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày thì vợ chồng anh chị chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Biên bản xác minh ngày 11 tháng 02 năm 2020 tại UBND xã E, huyện K cho thấy từ năm 2018 trở về trước, UBND xã E không có sổ sách lưu trữ việc đăng ký kết hôn nên không xác định được anh T và chị D có đăng ký kết hôn vào năm 1994 hay không. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D khai rằng chị và anh T có Đăng ký kết hôn tại UBND xã E nhưng không cung cấp được đăng ký kết hôn cũng như các tài liệu, chứng cứ để chứng

minh cho việc chị và anh T có đăng ký kết hôn. Vì vậy, việc chị D cho rằng vợ chồng anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã E vào năm 1994 là không có cơ sở. Như vậy việc anh T và chị D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm luật hôn nhân và gia đình. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “ Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”. Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c, khoản 3 Nghị quyết số 35/ 2000/QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Thùy D.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự đã thỏa thuận giao cháu Nguyễn Bùi Quốc N, sinh ngày 18/03/2004 và cháu Nguyễn Bùi Thúy K, sinh ngày 14/08/2006 cho chị Phạm Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn T tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của của các con. Vì vậy, căn cứ Điều 107, 110; 116, 117; Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình của để ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Đối với cháu Nguyễn Bùi Quốc V, sinh năm 1997 hiện nay đã trên 18 tuổi và sống tự lập, các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[6] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107; 110; 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm c, khoản 3 Nghị quyết số 35/ 2000/QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Thùy D.

- Về nuôi con chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự: Giao cháu Nguyễn Bùi Quốc N, sinh ngày 18/03/2004 và cháu Nguyễn Bùi Thúy K, sinh ngày 14/08/2006 cho chị Phạm Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/ tháng / cháu (Một triệu đồng một tháng một cháu) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Đối với cháu Nguyễn Bùi Quốc V, sinh năm 1997 hiện nay đã trên 18 tuổi và sống tự lập, các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về chia tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2019/0003909 ngày 04 tháng 12 năm 2019. Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải

Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện K;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã E;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Long